

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Ông Đặng Huy Du.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 235/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu A; ĐKKHKT: Số 08/39/227 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Kangawa ken, chigasaki shi, wakamatsu cho 12-23-202 gou shounan, barokku, Nhật Bản; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Vũ Đức B; nơi cư trú: 03/10/99 đường Nguyễn Hữu Tuệ, phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai (Đã được hợp pháp hóa lãnh sự), nguyên đơn là chị Đinh Thị Thu A trình bày:

Chị xây dựng gia đình với anh Vũ Đức B và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 5 năm 2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tích cách không hợp, bất đồng quan điểm. Hai

bên gia đình đã hòa giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến năm 2017, chị A sang Nhật Bản làm việc và sinh sống. Vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay, không còn liên quan đến nhau về tình cảm và kinh tế. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Trần Đức Bảo Nam, sinh ngày 25/5/2014. Ly hôn, chị A yêu cầu Tòa giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Vũ Đức B:

Anh Vũ Đức B đã được Tòa án triệu tập để tiến hành lấy lời khai nhưng anh B không có mặt theo lịch triệu tập của Tòa án. Qua xác minh tại gia đình anh Vũ Đức B thể hiện: Anh Vũ Đức B hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại 03/10/99 đường Nguyễn Hữu Tuệ, phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, anh B đi làm cả ngày nên không có thời gian đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án. Qua lời trình bày của ông Vũ Đức Đoàn là bố đẻ của anh Vũ Đức B thì anh B đã biết việc chị A gửi đơn xin ly hôn với anh và trao đổi lại với ông Đoàn như sau: Anh B kết hôn với chị A trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 5 năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn từ khi chị A đi sang Nhật làm việc và sinh sống vào năm 2017. Từ đó vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị A xin ly hôn anh B, anh B đồng ý. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Trần Đức Bảo Nam, sinh ngày 25/5/2014. Ly hôn, chị A yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh B đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B không có ý kiến gì. Ông Vũ Đức Đoàn trình bày quan điểm thống nhất với anh B, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh B và chị A sớm ly hôn với nhau để ổn định cuộc sống. Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện vợ chồng anh chị sau khi kết hôn một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, hiện nay chị A đang sinh sống tại Nhật Bản. Nay chị A yêu cầu xin ly hôn với anh B, về việc nuôi con chung và tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Vũ Đức B và chị Đinh Thị Thu A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Viên, quận Ngõ Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 5 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, nay chị A đã không còn tình cảm với anh B, anh chị đã ly thân một thời gian dài. Thông qua gia đình, anh B cũng đồng ý ly hôn với chị A. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu A được ly hôn anh Vũ Đức B. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Trần Đức Bảo Nam, sinh ngày 25/5/2014 cho chị Đinh Thị Thu A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Vũ Đức B và chị Đinh Thị Thu A không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Anh Vũ Đức B và chị Đinh Thị Thu A không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Nguyên đơn là chị Đinh Thị Thu A hiện nay đang sinh sống ở Nhật Bản, bị đơn là anh Vũ Đức B hiện nay đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đinh Thị Thu A vắng mặt nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Vũ Đức B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Đinh Thị Thu A và anh Vũ Đức B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức B và chị Đinh Thị Thu A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Viên, quận Ngõ Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 5 năm 2014. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh Vũ Đức B thể hiện: Vợ chồng anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, Từ khi chị A sang Nhật Bản, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Nhận thấy anh chị đã ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau về mọi mặt. Nay tình cảm của chị A dành cho anh B không còn, chị A yêu

cầu được ly hôn với anh B, qua lời trình bày của bố đẻ anh B thì anh B đồng ý ly hôn với chị A, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Thu A đối với anh Vũ Đức B.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Vũ Trần Đức Bảo Nam, sinh ngày 25/5/2014 hiện đang ở cùng với bà ngoại, từ bé cháu đã quen với cuộc sống ở bên ngoại. Ly hôn, chị Đinh Thị Thu A yêu cầu giao con chung cho chị nuôi dưỡng, gia đình anh B đồng ý. Mặt khác, cháu Vũ Trần Đức Bảo Nam có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Nhận thấy việc giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tạm thời ghi nhận việc anh chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Thu A và anh Vũ Đức B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thu A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Thu A và anh Vũ Đức B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu A được ly hôn anh Vũ Đức B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Trần Đức Bảo Nam, sinh ngày 25/5/2014 cho chị Đinh Thị Thu A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, tạm thời chưa giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do chị Đinh Thị Thu A và anh Vũ Đức B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Thu A và anh Vũ Đức B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Đinh Thị Thu A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000813 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đinh Thị Thu A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị Thu A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Vũ Đức B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Luyến Nguyễn Thị Mai Vinh

Đặng Hồ Điệp